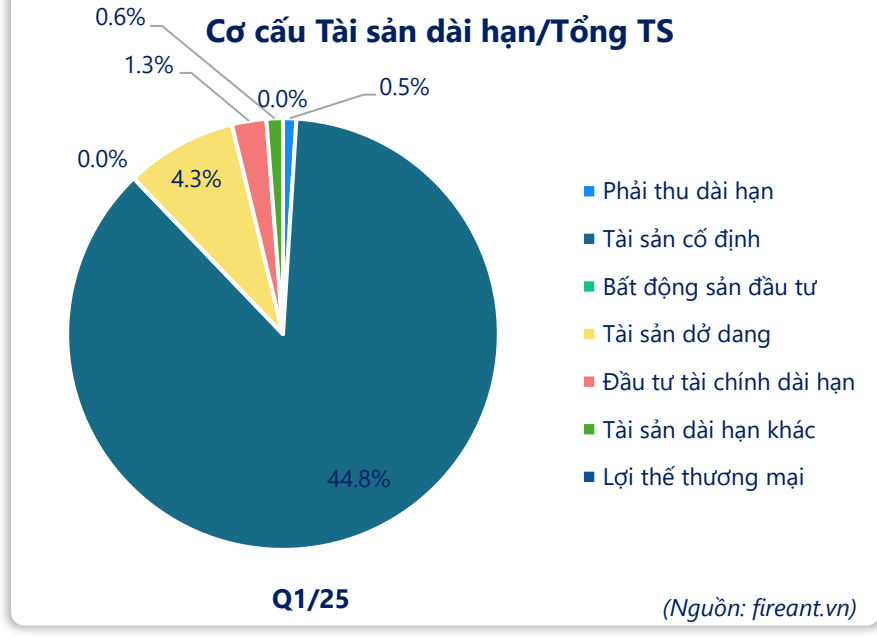
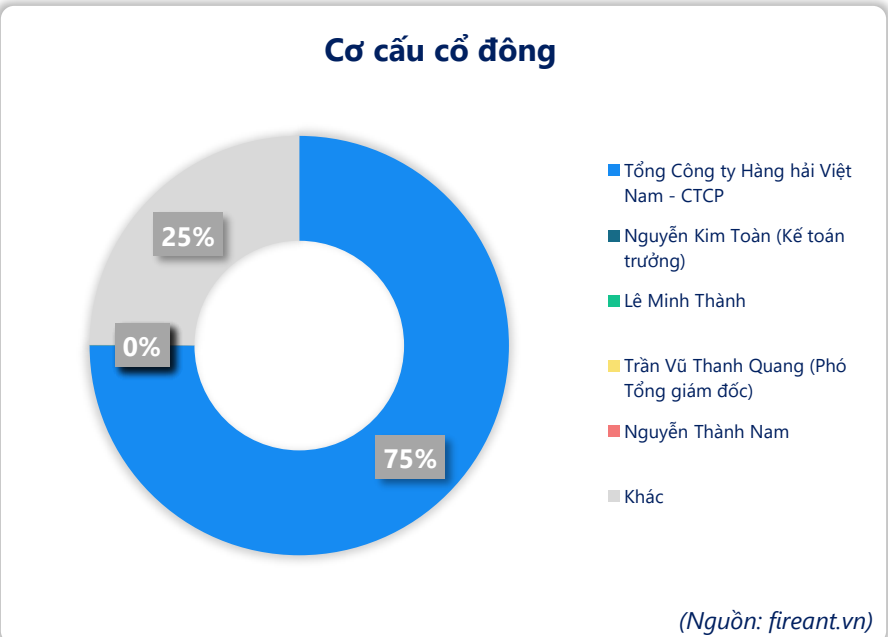
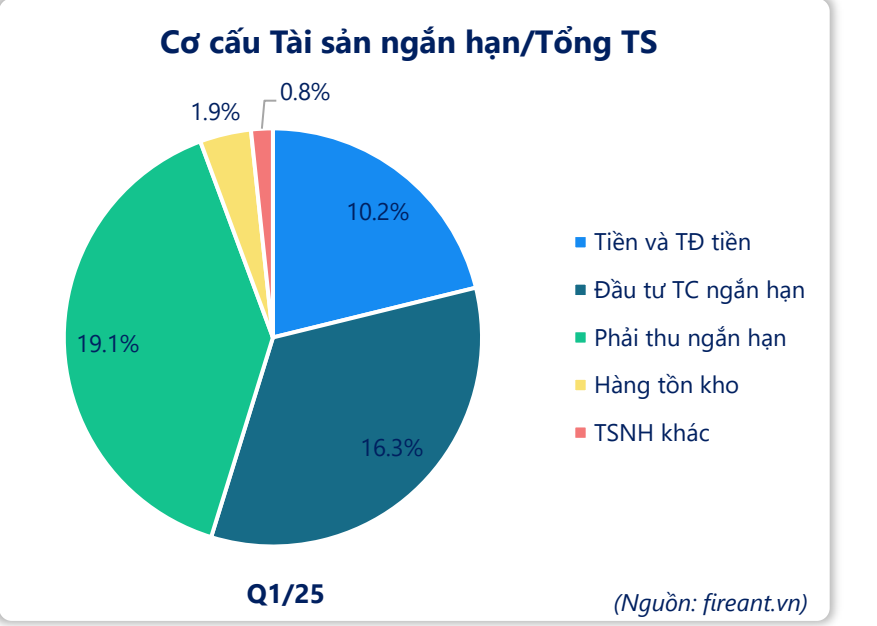
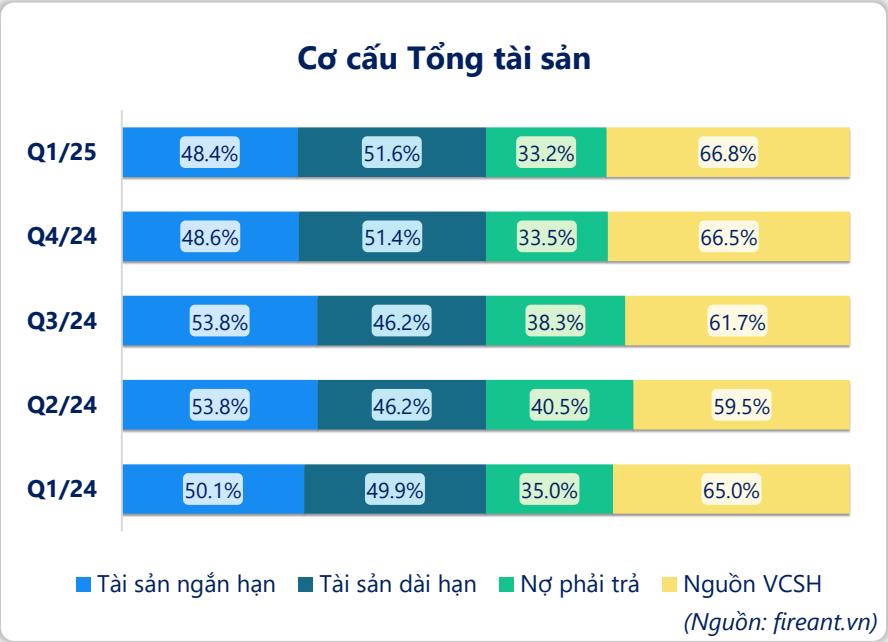
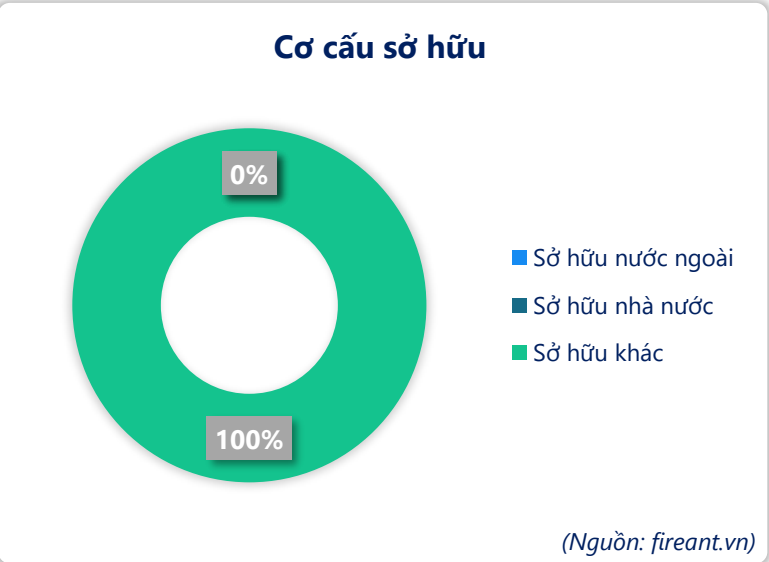
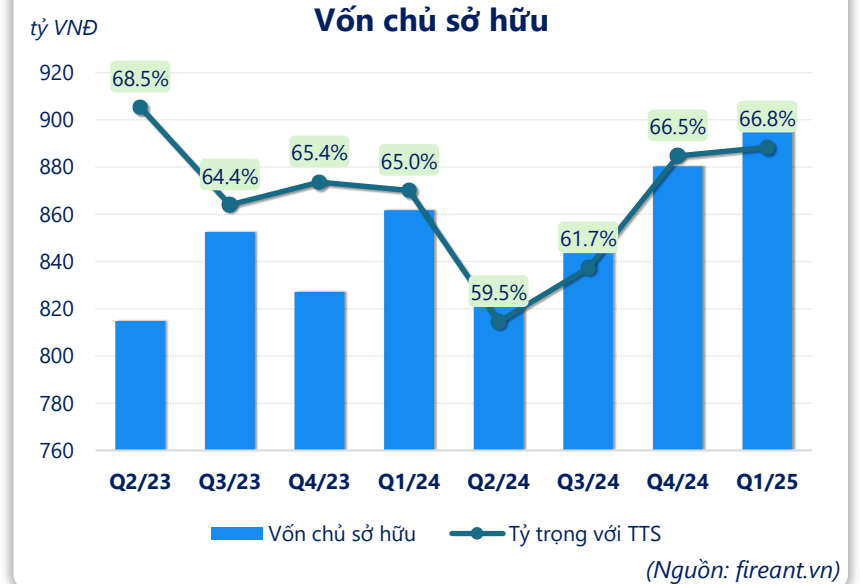
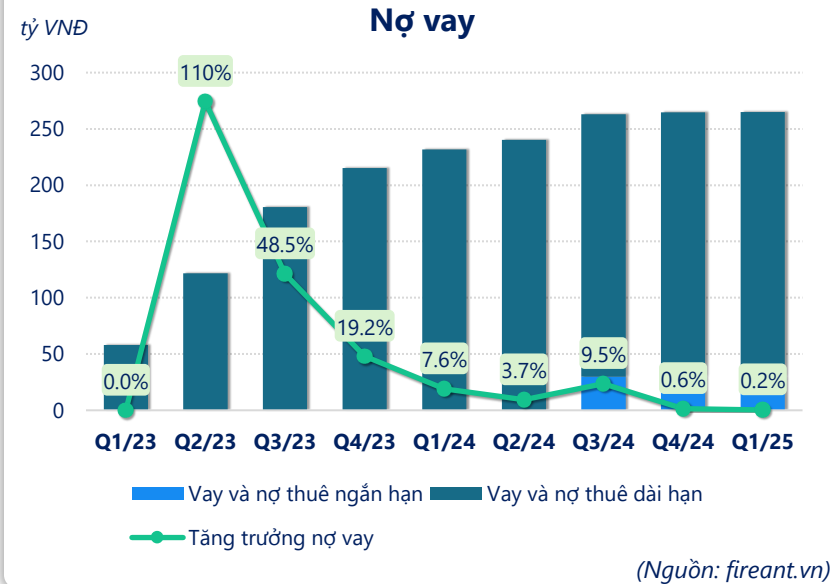
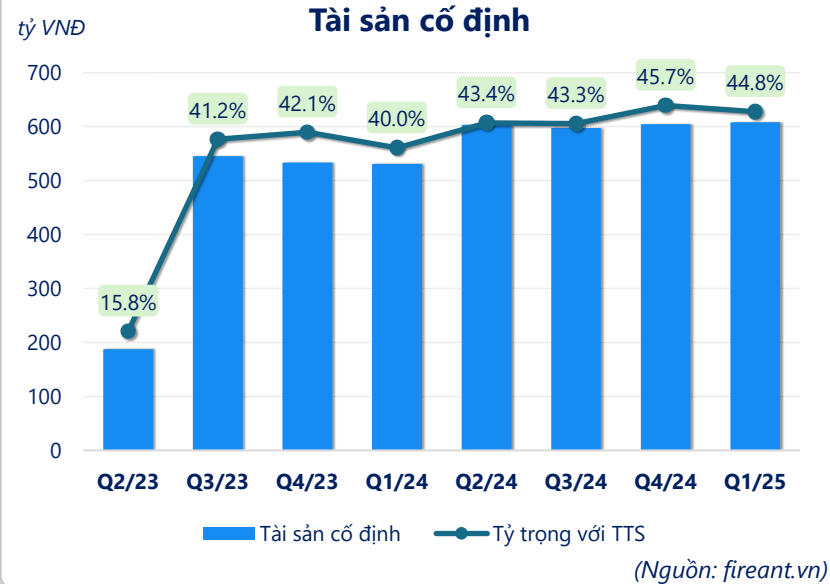
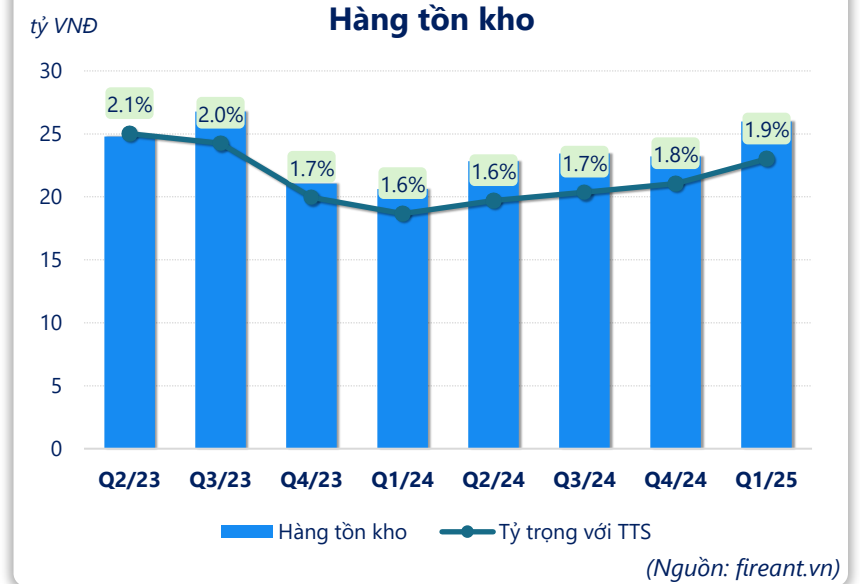
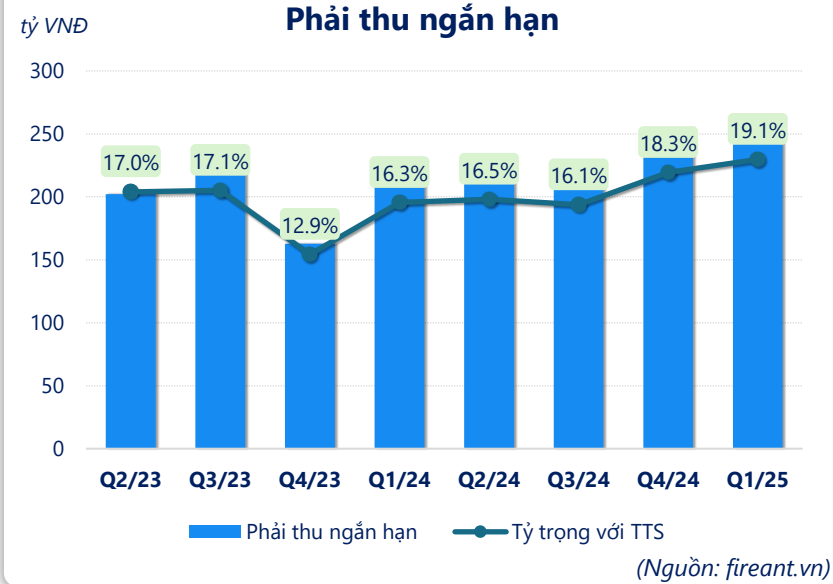
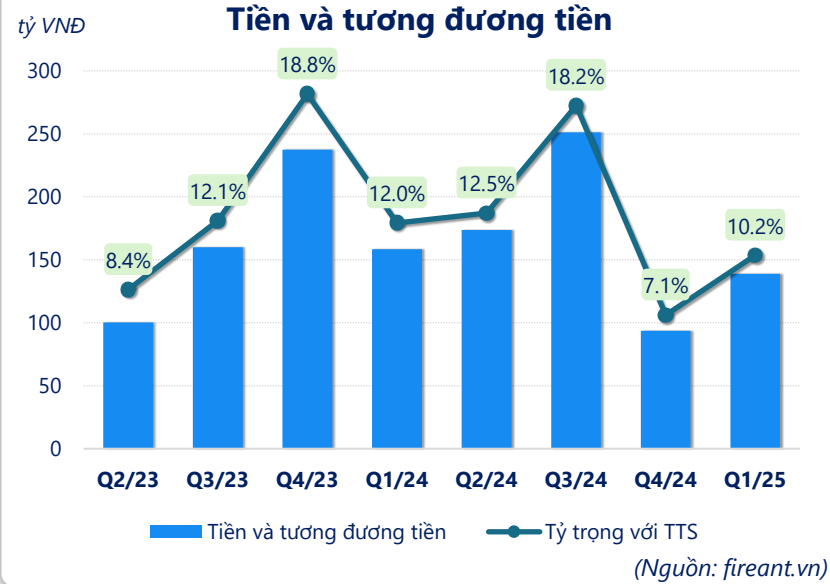
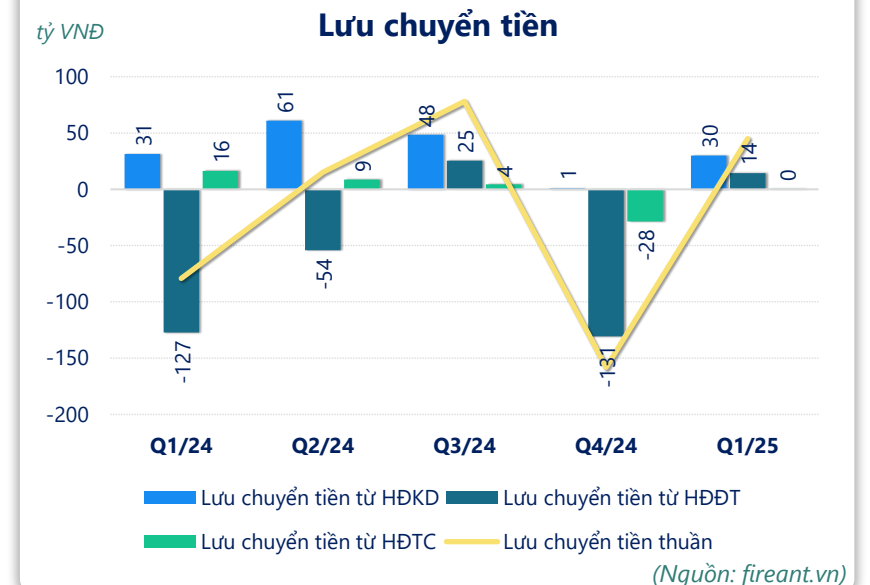
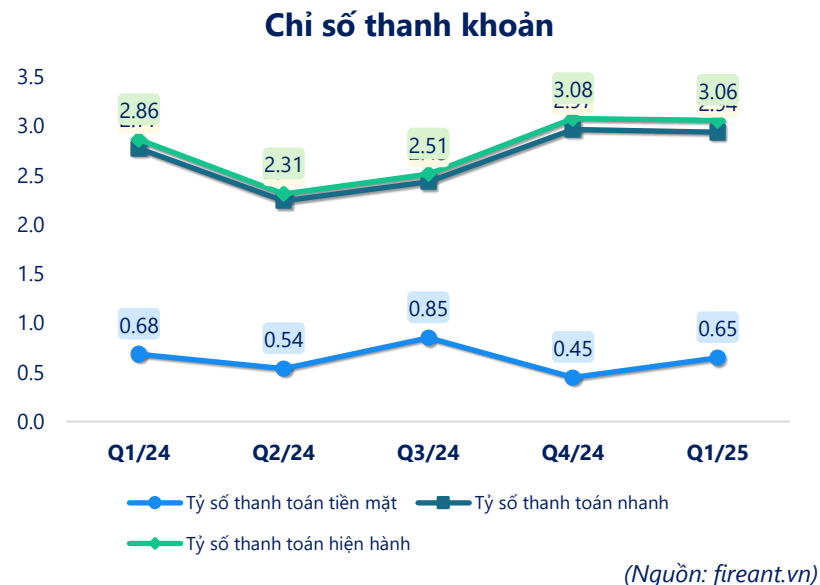
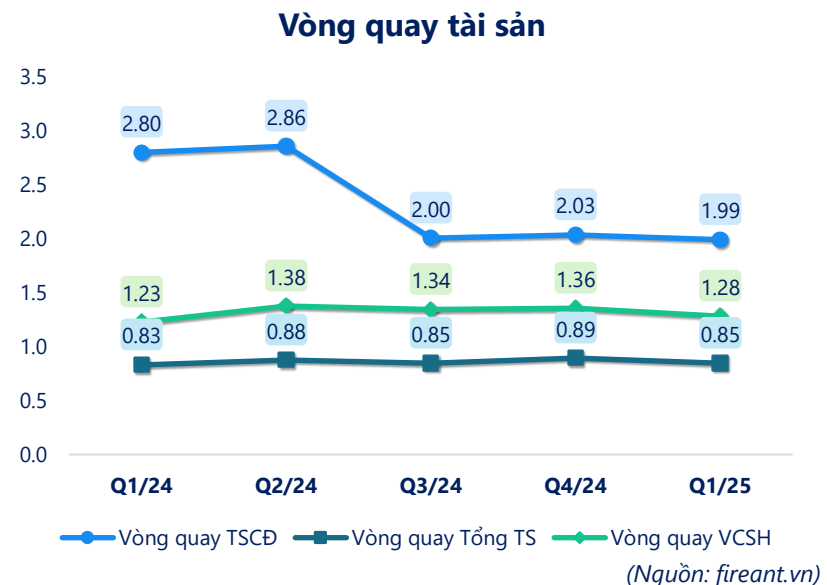
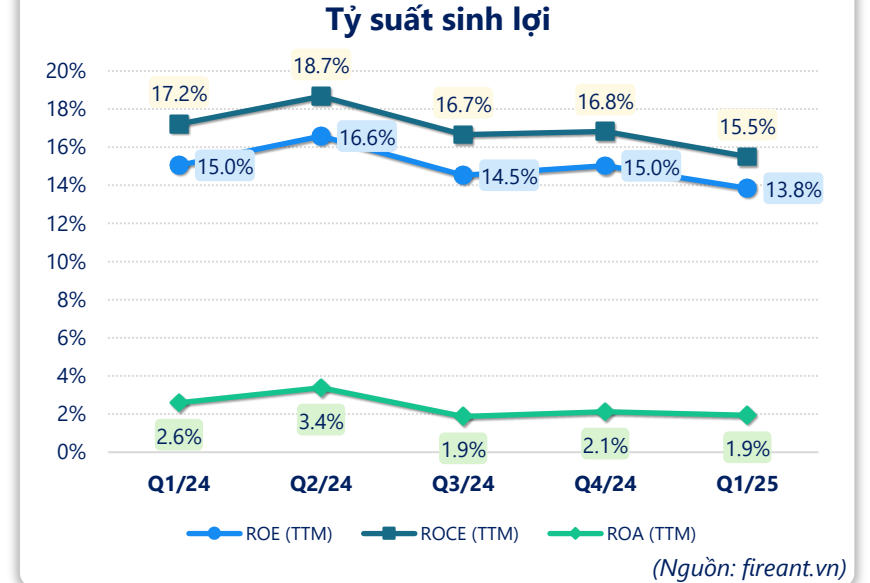
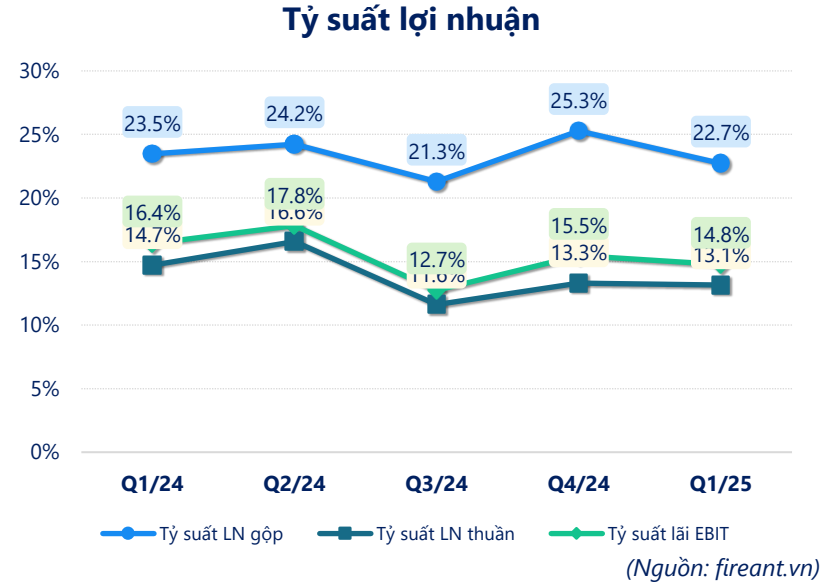
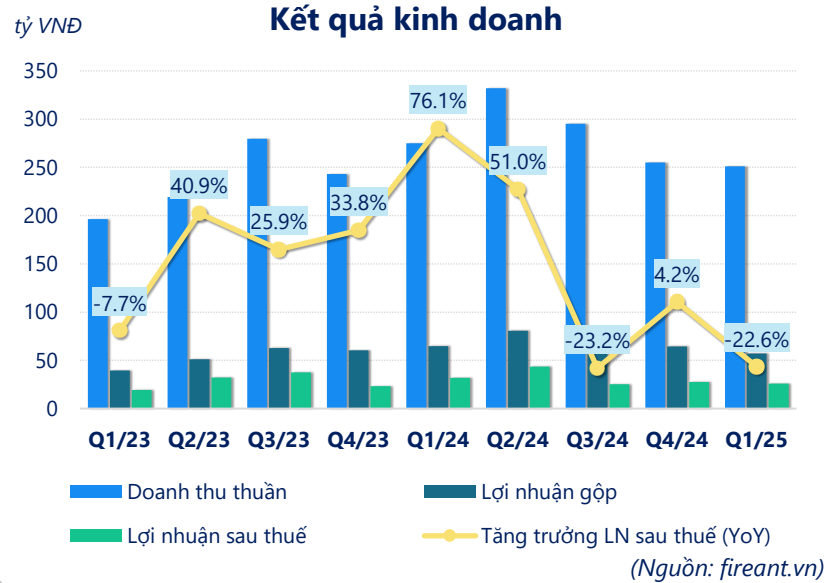


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		35,250
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		39,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		30,466
SL cổ phiếu LH		40,409,950
KLGD BQ 20 phiên (CP)		10,160
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,424
P/E		11.6
EPS		3,028

	YTD	1T	3T	6T
QNP	-1.8%	-3.8%	-1.3%	-4.7%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,355	1,324	2.4%
Tài sản ngắn hạn	656	644	1.8%
Tiền và tương đương tiền	139	93.7	48.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	220	268	-17.7%
Phải thu ngắn hạn	259	242	7.2%
Hàng tồn kho	26.0	23.2	11.9%
Tài sản ngắn hạn khác	11.0	17.2	-35.8%
Tài sản dài hạn	700	680	2.9%
Phải thu dài hạn	6.97	7.35	-5.1%
Tài sản cố định	608	605	0.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	58.5	40.2	45.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	18.0	18.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	8.63	10.1	-14.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	449	444	1.2%
Nợ ngắn hạn	214	209	2.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	30.0	30.0	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	112	93.0	20.0%
Nợ dài hạn	235	235	0.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	235	235	0.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	906	880	2.9%
Vốn chủ sở hữu	906	880	2.9%
Vốn điều lệ	404	404	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	275	332	295	255	251
Giá vốn hàng bán	211	252	232	191	194
Lợi nhuận gộp	64.6	80.5	62.8	64.5	57.0
Doanh thu HĐTC	3.55	8.70	3.49	5.45	3.42
Chi phí TC	4.76	4.46	5.73	4.64	4.43
Chi phí lãi vay	4.76	4.16	4.71	4.64	4.41
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	4.00	6.30	4.50	4.75	3.12
Chi phí QLDN	18.9	23.4	21.8	26.6	19.9
LN thuần từ HĐKD	40.5	55.0	34.3	33.9	33.0
Lợi nhuận khác	-0.05	0.01	-1.39	0.87	-0.36
LN trước thuế	40.5	55.0	32.9	34.8	32.6
Lợi nhuận sau thuế	31.7	43.6	25.4	27.5	25.9
LNST của CĐ cty mẹ	31.7	43.6	25.4	27.5	25.9

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	31.5	60.9	48.4	1.12	30.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-127	-54.2	25.4	-131	14.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	16.4	8.61	4.33	-28.4	0.44
Tiền đầu kỳ	238	158	174	251	93.7
Lưu chuyển tiền thuần	-79.3	15.3	78.1	-158	45.0
Ảnh hưởng tỷ giá	0.13	-0.09	-0.71	0.69	0.07
Tiền cuối kỳ	158	174	251	93.7	139

(Nguồn: fireant.vn)